

Số: 289/TB-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 05 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học (tháng 04/2025)

Căn cứ Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Trà Vinh;

Trường Đại học Trà Vinh (ĐHTV) thông báo tuyển sinh trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH) đợt tuyển sinh **tháng 04 năm 2025**, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

(Thí sinh xem danh mục đính kèm)

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Đối tượng dự tuyển bao gồm:

- Người học đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc đã có bằng tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành;
- Người học đã có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp (đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật) hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.

2. Đối tượng dự tuyển quy định trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.

III. TUYỂN SINH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ BẰNG TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HOẶC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRỞ LÊN

1. Đối tượng tuyển sinh

Người đã tốt nghiệp **trình độ trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển** hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập, tốt nghiệp toàn khóa bậc trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học trở lên. Áp dụng cho tất cả các ngành tuyển sinh đào tạo trình độ đại học.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

3.1. Đối với các ngành đào tạo giáo viên

a) Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên **cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên**, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- **Học lực lớp 12 đạt loại giỏi** trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT **đạt từ 8,0 trở lên**;

- **Tốt nghiệp THPT loại giỏi** trở lên hoặc học lực lớp 12 **đạt loại khá** và có 3 năm

kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt **loại giỏi** trở lên;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt **loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo**.

b) Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định được nhà trường áp dụng như sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại khá hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên hoặc có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

3.2. Các ngành đào tạo còn lại

Người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học trở lên có kết quả học tập toàn khóa đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc đạt từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4).

VI. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đối với các thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp THPT.
- Người học đã có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp (đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật) hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên có nguyện vọng xét tuyển **đại học hình thức vừa làm vừa học** (đối với người đã tốt nghiệp đại học, ngành đăng ký phải khác với ngành đã tốt nghiệp).

2. Phương thức tuyển sinh

Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ): Trường sử dụng điểm trung bình chung (điểm tổng kết) năm học lớp 12 của từng môn học trong tổ hợp môn xét tuyển (áp dụng cho tất cả các ngành xét tuyển trình độ đại học theo danh mục đính kèm).

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

Thí sinh có tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển (tính theo thang điểm 10 đối với từng môn xét tuyển và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân) lớn hơn hoặc bằng 12 điểm.

3.1. Đối với các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên:

Ngưỡng đầu vào các ngành **Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tiếng Khmer:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại **Giỏi** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ **8,0** trở lên.

3.2. Đối với các ngành đào tạo còn lại:

Ngưỡng đầu vào các ngành còn lại (trong danh mục ngành đính kèm): Học lực lớp 12 xếp loại **Trung bình** trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ **5.0** trở lên hoặc tốt nghiệp THPT.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- + Phiếu đăng ký dự tuyển (*ghi đầy đủ các thông tin trong phiếu ĐKDT*);
- + Bản sao hợp lệ Căn cước công dân, Giấy khai sinh;
- + Bản sao hợp lệ học bạ THPT đối với thí sinh đăng ký sử dụng kết quả học tập THPT để xét tuyển;
- + Bản sao hợp lệ Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh xét tuyển đại học hình thức vừa làm vừa học;
- + Bằng tốt nghiệp THPT hoặc minh chứng đã hoàn thành chương trình văn hóa THPT đối với người tốt nghiệp trình độ trung cấp;
- + Bảng điểm tốt nghiệp toàn khóa và Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học trở lên (*mỗi loại 02 bản sao hợp lệ*);
- + 01 bản sao hợp lệ các giấy tờ ưu tiên khác (*nếu có*);
- + 01 giấy giới thiệu cử đi học của cơ quan, đơn vị người học (*nếu có*);
- + Minh chứng quá trình công tác để xác định thâm niên chuyên môn, xác định ngưỡng ĐBCL đầu vào đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đào tạo giáo viên, có yêu cầu gắn với kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn (*Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động hoặc Xác nhận của cơ quan đang công tác*);
- + Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định hiện hành (*nếu có*);

Lưu ý: Thí sinh chỉ nộp các bản sao hợp lệ đối với tiêu chí đạt ngưỡng đầu vào chọn để xét tuyển.

3. Phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Từ ngày ra thông báo đến hết ngày **07/4/2025 tại phòng Đào tạo** - Trường Đại học Trà Vinh.

4. Phương thức nộp hồ sơ xét tuyển

Thí sinh chọn 1 trong 2 cách sau để nộp hồ sơ xét tuyển:

❖ **Cách 1:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Đào tạo - Trường Đại học Trà Vinh.

❖ **Cách 2:** Thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển bằng hình thức qua bưu điện.

- **Địa chỉ nơi nhận hồ sơ:** Phòng Đào tạo (Toà nhà A1 - phòng A11.201 - Trường Đại học Trà Vinh, Số 126, Nguyễn Thiện Thành, phường 5, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

- **Thí sinh ở xa** có thể tải phiếu đăng ký tham gia xét tuyển trên Website phòng Đào tạo (<https://daotao.tvu.edu.vn>).

❖ **Thời gian nộp hồ sơ:** buổi sáng từ 7g00 - 11g00; buổi chiều từ 13g00 – 17g00 (từ thứ hai đến thứ Bảy và sáng Chủ nhật).

5. Hồ sơ, lệ phí đăng ký xét tuyển và lệ phí dự thi năng khiếu

❖ Hồ sơ, tiếp nhận, xử lý và quản lý hồ sơ dự tuyển: **60.000đ/hồ sơ/thí sinh**

❖ Lệ phí xét tuyển: **200.000đ/hồ sơ/thí sinh** (bao gồm các ngành có thi năng khiếu)

Thí sinh đóng tất cả lệ phí xét tuyển khi nộp hồ sơ đăng ký, hồ sơ đã nộp không hoàn trả lại.

6. Thời gian xét tuyển, công bố kết quả xét tuyển

❖ Thời gian dự kiến xét tuyển từ ngày **14/4/2025 đến 22/4/2025**.

❖ Thời gian dự kiến công bố kết quả xét tuyển trước ngày **29/4/2025** trên Website phòng Đào tạo (<https://daotao.tvu.edu.vn>).

7. Thời gian làm thủ tục nhập học và học chính thức

Dự kiến tháng **05/2025**, Nhà trường sẽ có thông báo cụ thể gửi đến thí sinh trúng tuyển.

8. Chương trình đào tạo và thời gian đào tạo

- Trường đào tạo theo học chế tín chỉ, sau khi học và tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo, sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp (*không phải thi tốt nghiệp*).

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có thể rút ngắn thời gian đào tạo do được trường xem xét miễn trừ một số học phần đã học.

9. Kinh phí tổ chức đào tạo

Kinh phí tổ chức quá trình đào tạo do người học tự túc chi trả.

VI. PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Trường tổ chức học chủ yếu vào các ngày thứ Bảy, Chủ nhật hàng tuần. Tùy theo tình hình thực tế, Trường có thể bố trí giảng dạy linh hoạt các ngày trong tuần hoặc có thể bố trí học thêm các buổi tối trong tuần.

Lưu ý: Trường không nhận hồ sơ khi thiếu một trong những giấy tờ quy định; thí sinh phải ghi đầy đủ nội dung trong hồ sơ và trên bìa hồ sơ, mọi sai sót thí sinh chịu trách nhiệm.

Các vấn đề liên quan đến công tác tuyển sinh, người học liên hệ trực tiếp phòng Đào tạo - Trường Đại học Trà Vinh:

✧ Địa chỉ: Số 126, Nguyễn Thiện Thành, phường 5, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

✧ Điện thoại: **(02943)765.536; 765.668; 855.247.**

✧ Website: <https://www.tvu.edu.vn>, <https://daotao.tvu.edu.vn>

Nơi nhận:

- BGH trường;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Quý cơ quan, công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp, trường học, tổ chức đoàn thể;
- Niêm yết TBTS; Website;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Phan Quốc Nghĩa

**DANH MỤC CÁC NGÀNH TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC (THÁNG 4/2025)**

(Đính kèm Thông báo số: 289/TB - ĐHTV ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC				ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC			Ghi chú
			Mã TH	Tổ hợp môn xét tuyển	Sử dụng kết quả thi THPT	Sử dụng kết quả học tập THPT	Người học có bằng tốt nghiệp Trung cấp	Người học có bằng tốt nghiệp Cao đẳng	Người học có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên	
1	7140201	Giáo dục Mầm non	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x	x	x	x	
			C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân						
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x	x	x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh						
			D84	Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh						
3	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x		x	x	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh						
4	7140226	Sư phạm Tiếng Khmer	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x		x		
			C20	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân						
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh						
			D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh						
5	7220106	Ngôn ngữ Khmer	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x		x		
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh						
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	x	x		x	x	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh						
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh						
			DH1	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Hàn						

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC				ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC			Ghi chú
			Mã TH	Tổ hợp môn xét tuyển	Sử dụng kết quả thi THPT	Sử dụng kết quả học tập THPT	Người học có bằng tốt nghiệp Trung cấp	Người học có bằng tốt nghiệp Cao đẳng	Người học có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên	
7	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x		x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x		x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
9	7340301	Kế toán	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x	x	x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
10	7340406	Quản trị văn phòng	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x	x	x	x	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh						
11	7380101	Luật	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x	x	x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
12	7480201	Công nghệ thông tin	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x	x	x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh						
13	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x	x	x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC				ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC			Ghi chú
			Mã TH	Tổ hợp môn xét tuyển	Sử dụng kết quả thi THPT	Sử dụng kết quả học tập THPT	Người học có bằng tốt nghiệp Trung cấp	Người học có bằng tốt nghiệp Cao đẳng	Người học có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên	
14	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Hệ thống điện, Điện công nghiệp)	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x	x	x	x	
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh						
15	7620101	Nông nghiệp	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	x	x	x	x	x	
16	7620301	Nuôi trồng thủy sản	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	x	x	x	x	x	
17	7640101	Thú y	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh						
			D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	x	x	x	x	x	
18	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x	x	x		
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
			D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh						
19	7810301	Quản lý thể dục thể thao	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	x	x	x	x		
			C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân						
			C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân						
			D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh						
20	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	x	x				
			A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh						
			C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí						
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh						
TỔNG CỘNG CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN					20 ngành	20 ngành	13 ngành	19 ngành	15 ngành	

Ghi chú: x: Xét tuyển